

Bản án số: 29/2021/HS-ST

Ngày: 10 - 8 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Minh Tuấn

Thẩm phán: Ông Vương Hồng Giang.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vi Tuấn Dũng

2. Bà Mạc Thị Khánh Linh

3. Ông Dương Văn Tuyên.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thúy Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:
Ông Nông Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự, thụ lý số 24/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Lương Văn T, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 05 tháng 10 năm 1971; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố TK, thị trấn CC, huyện DH, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Đức Th (đã chết); con bà Bằng Thị H, sinh năm 1943; có vợ là Nông Thị X, sinh năm 1973; có 01 con, sinh năm 1994; Tiền sự: Không có.

Tiền án: Tại bản án số 563/2010/HSPT ngày 28/10/2010 của Tòa phúc thẩm TAND tối cao xử phạt Lương Văn T 14 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo chấp hành xong hình phạt năm 2018, chưa được xóa án tích, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Nhân thân: Tại bản án số 04/1991/HS ngày 17/5/1991 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Thái xử phạt Lương Văn T 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/3/2021 tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên đến nay, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo do Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên phân công: Ông Bùi Văn L – Luật sư văn phòng Luật sư TD, Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nông Thị X, sinh năm 1973. (có mặt)

Trú tại: Tổ dân phố TK, thị trấn CC, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Người chứng kiến:

1. Ông Nguyễn Quang D, sinh năm 1964. (vắng mặt)

Trú tại: Tổ dân phố TK, thị trấn CC, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Nguyễn Tùng L, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Trú Tại: Tổ 1, phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 00 phút ngày 05/03/2021, Tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Nguyên làm nhiệm vụ tại khu vực ngã tư PM thuộc tổ dân phố HT, thị trấn CC, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên phát hiện Lương Văn T, sinh năm 1971, HKTT: tổ dân phố TK, thị trấn CC, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên đang có biểu hiện cất giấu ma túy, tổ công tác kiểm tra thu giữ tại túi quần bên trái T đang mặc 03 túi nilon màu trắng, bên trong chứa các cục chất bột màu trắng, Thái khai là ma túy Heroine niêm phong ký hiệu **A**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen số thuê bao 0859.612.871 niêm phong ký hiệu **B**.

Cùng ngày khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lương Văn T tại tổ dân phố TK, thị trấn CC, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên phát hiện thu giữ trong túi quần, treo trên móc treo quần áo trong buồng ngủ tầng một 01 gói giấy màu trắng bên trong chứa các cục chất bột màu trắng niêm phong ký hiệu **B**; Thu giữ số tiền 20.000.000đ trong két sắt đặt trong gầm cầu thang tầng 1.

Tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng và lấy mẫu gửi giám định đối với số chất ma túy thu giữ của Lương Văn T kết quả:

Bì niêm phong ký hiệu **A**: Chất bột màu trắng có khối lượng **108,72gam** lấy 2,37gam làm mẫu gửi giám định niêm phong ký hiệu G1, còn lại lưu kho niêm phong ký hiệu L1.

Bì niêm phong ký hiệu **B**: Chất bột màu trắng có khối lượng **0,37gam** lấy 0,12gam làm mẫu gửi giám định niêm phong ký hiệu G2, còn lại lưu kho niêm phong ký hiệu L2.

Tại Bản kết luận giám định chất ma túy số: 565/KL-KTHS ngày 12 tháng 03 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Mẫu các cục chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu G1 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng giám định là 2,37gam. Tổng khối lượng thu giữ ban đầu là **108,72gam**. Mẫu các cục chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu G2 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng giám định là 0,12gam. Tổng khối lượng thu giữ ban đầu là **0,37gam**.

Mở kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu đen thu giữ của Lương Văn Thái không phát hiện dữ liệu gì liên quan đến vụ án.

Quá trình điều tra đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Khoảng 13 giờ, ngày 04/03/2021 T đi xe buýt từ nhà xuống khu vực bến xe khách Thái Nguyên thuộc phường ĐQ, TP TN, tỉnh Thái Nguyên. Tại đây T gặp 01 người nam giới tên là H (không rõ họ, tên đệm và địa chỉ) T mua của H 03 gói ma túy Heroine, với giá 75.000.000đ, sau khi mua được ma túy T đem về nhà lấy ra một phần nhỏ cất giấu tại nhà, số còn lại cất giấu trong người. Đến 06 giờ ngày 05/03/2021, có một người nam giới tự giới thiệu tên là S (không rõ họ, tên đệm và địa chỉ) gọi điện thoại cho Thái đặt mua 03 gói Heroine với giá 90.000.000đ, T đồng ý và hẹn S 12 giờ đến khu vực gần Đài tưởng niệm huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên để giao dịch mua bán ma túy, đến hẹn T đem theo 108,72gam đến khu vực tổ dân phố HT, thị trấn CC, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên để bán, khi chưa kịp bán thì bị tổ công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy công an tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng là **108,72 gam** ma túy loại Heroine, số ma túy Heroine còn lại T cất giấu tại nhà cũng bị thu giữ khi khám xét.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKS-P1, ngày 17/6/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Lương Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phản luận tội tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lương Văn T 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2021; Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 04 bì niêm phong ký hiệu: G1, G2, L1, L2, bên trong chứa ma túy (thu giữ của bị cáo).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số IC: 661 AE-NHL-10.

- Tạm giữ số tiền: 20.000.000đ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nông Thị X đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho chị số tiền 20.000.000 đồng vì đây là số tiền chị vay Ngân hàng để phục vụ công việc gia đình.

Người bào chữa cho bị cáo: Xác định việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng, mức án Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, Luật sư không có ý kiến gì. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt bổ sung cho bị cáo, về số tiền thu giữ tại nhà riêng bị cáo, tài liệu trong hồ sơ thể hiện đây là số tiền vợ chồng bị cáo vay Ngân hàng để phục vụ mục đích kinh doanh, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, vì vậy đề nghị trả lại cho chị Xinh quản lý sử dụng.

Bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của Luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Về số tiền thu giữ tại nhà ở của vợ chồng bị cáo, xác định đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, vì vậy đề nghị tạm giữ một phần để đảm bảo thi hành án cho bị cáo, số còn lại trả cho chị X quản lý sử dụng.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo để cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên và người bào chữa đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Do hám lời, ngày 05/03/2021 Lương Văn T đến khu vực phường ĐQ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên mua của người nam giới tên là H không rõ họ tên đệm, địa chỉ **109,09 gam** ma túy, loại Heroine với số tiền 75.000.000 đồng rồi đem về nhà lấy 0,37gam cất giấu tại nhà, số còn lại 108,72gam cất giấu trong người. Đến 12 giờ 00 phút ngày 05/03/2021 T đem số ma túy cất giấu trong người đến tổ dân phố HT, thị trấn CC, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên để bán cho người nam giới tên S đặt mua ma túy của T trước đó với giá 90.000.000đ nhưng chưa kịp bán thì bị tổ công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng. Số ma túy 0,37gam cất giấu tại nhà cũng bị thu giữ khi khám xét.

Với hành vi nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 251 Bộ luật hình sự:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2...

3...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

b...Heroin... có khối lượng 100gam trở lên”

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự, để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm chung.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, bị cáo không có tiền sự, nhưng có nhân thân xấu, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là tái phạm nguy hiểm.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm một phần hình phạt bổ sung và xem xét trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho vợ bị cáo là chị Nông Thị X vì đây là số tiền chị X vay Ngân hàng, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

[5]. Vật chứng vụ án:

- Số ma túy thu giữ của bị cáo được niêm phong trong các phong bì niêm phong ký hiệu: G1, G2, L1, L2, bên trong chứa ma túy cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen thu giữ của bị cáo, quá trình điều tra xác định bị cáo sử dụng để liên lạc mua bán ma túy, vì vậy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Số tiền 20.000.000 đồng tạm giữ tại nhà ở của bị cáo, tài liệu trong hồ sơ thể hiện số tiền này vợ chồng bị cáo vay Ngân hàng để phục vụ nhu cầu kinh doanh của gia đình không liên quan đến việc mua bán ma túy của bị cáo, xác

định đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, vì vậy cần tạm giữ 10.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo; số tiền còn lại trả cho chị Nông Thị X quản lý sử dụng và thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận, vì vậy cần phải phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Trong vụ án này, về nguồn gốc số Heroine bị bắt quả tang T khai đã mua của người nam giới tên H không rõ họ, tên đệm, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở xác minh làm rõ. Ngoài ra T khai có một người nam giới tên S gọi điện thoại đặt mua 03 gói ma túy của T, nhưng Thái không biết họ, tên đệm, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

1. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lương Văn T: 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2021. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo Lương Văn T 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 niêm phong ký hiệu **G1**, trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Thành Trung, Phan Thanh Huy và 03 hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 2,350 gam mẫu hoàn lại sau giám định;

+ 01 niêm phong ký hiệu **G2**, trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Thành Trung, Phan Thanh Huy và 03 hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 0,105 gam mẫu hoàn lại sau giám định;

+ 01 niêm phong ký hiệu **L1**, trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Lương Văn Thái và các thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 106,35 gam lưu kho;

+ 01 niêm phong ký hiệu **L2**, trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Lương Văn Thái và các thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 0,25 gam lưu kho.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu đen số IC: 661AE-NHL-10, không kiểm tra máy bên trong.

- Tạm giữ số tiền: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Trả lại cho chị Nông Thị X số tiền: 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 46 ngày 25 tháng 6 năm 2021 giữa Công an tỉnh Thái Nguyên với Cục THADS tỉnh Thái Nguyên; số tiền theo ủy nhiệm chi số 208 ngày 29/6/2021 của Kho bạc tỉnh Thái Nguyên).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC; TANDCC; Sở tư pháp;
- VKSNDCC; VKSND tỉnh TN;
- Công an tỉnh TN; Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh;
- Bị cáo;
- NTGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Đặng Minh Tuấn